

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch khuyến công giai đoạn 2021-2025
trên địa bàn tỉnh Thái Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ - CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Công Thương: Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công; Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29/9/2017 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;

Căn cứ Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 02/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc ban hành Quy định quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh Thái Bình;

Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 71/TTr-SCT ngày 04/12/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch khuyến công giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thái Bình, với nội dung chủ yếu sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

- Động viên, huy động các nguồn lực của các tổ chức, cá nhân đầu tư vào sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh; góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp; tăng kim ngạch xuất khẩu, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, chuyển dịch cơ cấu lao động từ khu vực nông nghiệp và góp phần xây dựng nông thôn mới.

- Khuyến khích, hỗ trợ sản xuất sạch hơn tại các cơ sở sản xuất công nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu; giảm thiểu phát thải và hạn chế gia tăng ô nhiễm môi trường.

- Hỗ trợ, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp một cách bền vững,

phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; nâng cao năng lực cạnh tranh, thực hiện có hiệu quả lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Yêu cầu

- Hỗ trợ đúng đối tượng, đúng mục đích, đảm bảo hiệu quả, thiết thực.
- Các đề án hỗ trợ khuyến công phải có tác động lan tỏa, thúc đẩy sự phát triển công nghiệp nông thôn, phù hợp với chiến lược, quy hoạch tỉnh.
- Nội dung nhiệm vụ, đề án phải phù hợp với quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ. Các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ kinh phí khuyến công phải bố trí đủ kinh phí thực hiện đề án và cam kết chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của Nhà nước cho cùng một nội dung chỉ được kinh phí khuyến công hỗ trợ.

II. Nội dung khuyến công

1. Tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề theo nhu cầu của các cơ sở công nghiệp để tạo việc làm và nâng cao tay nghề cho người lao động.

Dự kiến mỗi năm tổ chức từ 10 - 12 lớp đào tạo khôi phục nghề truyền thống, đào tạo nghề mới cho lao động nông thôn (mỗi lớp 35- 40 học viên).

2. Tổ chức hội nghị, tập huấn để tháo gỡ khó khăn trong sản xuất, đảm bảo an toàn thực phẩm, an toàn điện, nâng cao năng lực quản lý cơ sở công nghiệp nông thôn và năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn trong sản xuất công nghiệp.

- Tổ chức 04 hội nghị tập huấn để nâng cao năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp.

- Tổ chức 04 hội nghị tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong đầu tư, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức hội nghị tập huấn nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp: Dự kiến mỗi năm tổ chức từ 02 lớp đào tạo nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp cho các hội viên Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh (mỗi lớp 80- 100 học viên).

- Tổ chức từ 04 - 06 hội nghị tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm cho các chủ cơ sở, người lao động tham gia hoạt động sản xuất thực phẩm và cán bộ quản lý cấp xã thuộc quản lý của ngành Công Thương.

- Tổ chức hội nghị tập huấn kiến thức về an toàn điện cho cán bộ làm công tác quản lý về an toàn điện và công nhân vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh (mỗi năm từ 01- 02 hội nghị).

3. Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; chuyên giao công nghệ và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiêu thủ công nghiệp; xây dựng các mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn.

- Hỗ trợ chuyển giao công nghệ ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, hỗ trợ chuyển giao công nghệ cho các cơ sở công nghiệp nông thôn. Dự kiến cả giai đoạn hỗ trợ trên 89 lượt cơ sở.

- Hỗ trợ xây dựng các mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn: Dự kiến hỗ trợ 01 cơ sở công nghiệp nông thôn.

- Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật cho 04 cơ sở công nghiệp nông thôn.

- Hỗ trợ 05 mô hình cơ sở công nghiệp nông thôn hoạt động có hiệu quả cần nhân ra diện rộng.

4. Tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; tổ chức hội chợ, triển lãm hàng công nghiệp nông thôn; hỗ trợ xây dựng, đăng ký thương hiệu.

- Tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh, trên cơ sở đó lựa chọn sản phẩm được bình chọn cấp tỉnh tham gia bình chọn cấp khu vực. Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm được công nhận là sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được ưu tiên hỗ trợ từ nguồn khuyến công để đầu tư phát triển sản xuất, đổi mới công nghệ, thiết bị, xúc tiến thương mại, đào tạo lao động... Dự kiến trong giai đoạn tổ chức 02 đợt bình chọn.

- Hỗ trợ các cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và làng nghề giới thiệu sản phẩm với khách hàng trong và ngoài nước, tạo điều kiện để tiếp cận khai thác mở rộng thị trường, tiêu thụ sản phẩm, đẩy mạnh việc tư vấn, hỗ trợ các cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đưa sản phẩm đi tham gia các hội chợ triển lãm trong và ngoài tỉnh. Đây là cơ hội để khách hàng tìm hiểu và biết đến các cơ sở sản xuất, đồng thời là điều kiện tốt để so sánh chất lượng hàng hoá của cơ sở mình, nhu cầu thị hiếu, thay đổi mẫu mã sản phẩm cho phù hợp. Dự kiến hỗ trợ cho 08 lượt cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia Hội chợ triển lãm trong và ngoài tỉnh.

- Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn xây dựng thương hiệu sản phẩm để quảng bá và khẳng định vị thế của sản phẩm trên thị trường. Dự kiến trong giai đoạn hỗ trợ cho 20 cơ sở công nghiệp nông thôn đăng ký thương hiệu.

5. Xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin, ấn phẩm

Hàng năm hỗ trợ duy trì trang thông tin điện tử; tuyên truyền về ngành Công Thương, tuyên truyền về Khu kinh tế Thái Bình; hỗ trợ xây dựng 12 chương trình truyền hình và phát hành mỗi năm 06 bản tin Công Thương.

6. Hỗ trợ phát triển các cụm công nghiệp

Tổ chức hội nghị, hội thảo và diễn đàn để phát triển cụm công nghiệp, mỗi năm tổ chức từ 01-03 hội nghị.

7. Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khuyến công.

- Tổ chức 05 đoàn khảo sát học tập kinh nghiệm khuyến công trong nước cho 30 lượt người gồm cán bộ làm công tác khuyến công, cán bộ một số ngành liên quan, phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện, phòng Kinh tế thành phố, một số cơ sở công nghiệp nông thôn.

- Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện làm việc cho Trung tâm Khuyến công - Tư vấn phát triển công nghiệp.

- Kiểm tra, giám sát, hướng dẫn triển khai thực hiện các chương trình, đề án khuyến công.

III. Kinh phí và nguồn kinh phí

1. Tổng kinh phí thực hiện: 55.447 triệu đồng.

2. Nguồn kinh phí:

2.1 Nguồn kinh phí từ ngân sách cho hoạt động khuyến công giai đoạn năm 2021-2025 là: 31.000 triệu đồng.

2.2. Nguồn vốn đối ứng của các cơ sở công nghiệp nông thôn: 24.447 triệu đồng.

(Có Biểu phụ lục nội dung chi tiết kèm theo)

IV. Giải pháp thực hiện

1. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công, từng bước kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác khuyến công từ tỉnh đến cơ sở; thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và giúp các địa phương, các cơ sở công nghiệp nông thôn của tỉnh trong việc thực hiện kế hoạch khuyến công; quản lý sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương đúng quy định, đảm bảo đạt hiệu quả.

2. Tiếp tục xây dựng các văn bản pháp lý liên quan đến hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để làm cơ sở thực hiện.

3. Tăng cường phối hợp chặt chẽ với các cơ quan báo, đài của Trung ương và của tỉnh để thông tin tuyên truyền về hoạt động khuyến công và công nghiệp nông thôn; đặc biệt là chính sách hỗ trợ từ chương trình khuyến công để tạo sự quan tâm và đồng thuận của các cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức, cá nhân.

4. Tiếp tục phối hợp, lồng ghép các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình xây dựng nông thôn mới, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tích cực khai thác, tìm kiếm, phối hợp với các tổ chức, cá nhân để huy động các nguồn lực và nguồn vốn hợp pháp khác.

5. Hàng năm tổ chức tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm về hoạt động khuyến công; khuyến khích, động viên, khen thưởng kịp thời cho các cá nhân, tập thể, đơn vị có nhiều thành tích trong công tác khuyến công hàng năm và giai đoạn.

6. Tăng cường mối quan hệ với Trung tâm Khuyến công các tỉnh bạn để trao đổi, học tập kinh nghiệm trong công tác.

7. Quan tâm chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, tập huấn, trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ làm công tác khuyến công.

V. Tổ chức thực hiện

1. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch đảm bảo mục tiêu đề ra.

b) Căn cứ dự toán kinh phí khuyến công địa phương hàng năm được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để xây dựng kế hoạch các đề án khuyến công hàng năm; tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt.

c) Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát thực hiện các đề án khuyến công đã được phê duyệt; định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Tài chính

a) Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ khuyến công địa phương hàng năm theo Kế hoạch.

b) Hàng năm, phối hợp Sở Công Thương thẩm định kế hoạch kinh phí khuyến công địa phương, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng và thanh toán, quyết toán kinh phí khuyến công địa phương hàng năm theo quy định quản lý tài chính hiện hành.

3. Các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội:

Phối hợp với Sở Công Thương thực hiện các nội dung có liên quan trong Kế hoạch.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Căn cứ vào nội dung kế hoạch này và các văn bản có liên quan, hàng năm xây dựng kế hoạch khuyến công của địa phương gửi Sở Công Thương tổng hợp.

b) Phối hợp với Sở Công Thương xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch khuyến công hàng năm của tỉnh; kiểm tra, giám sát việc thực hiện, sử dụng kinh phí khuyến công của các đề án thuộc địa bàn quản lý.

5. Các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn

Căn cứ vào nội dung của Kế hoạch khuyến công giai đoạn, xây dựng, đăng ký đề án khuyến công cụ thể, thiết thực và tham gia thực hiện đạt hiệu quả.

Điều 2. Giao cho Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các Giám đốc Sở: Công Thương, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CTXDGT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Nguyễn Khắc Thận

Phụ lục
Chi tiết Kế hoạch khuyến công giai đoạn 2021 -2025 trên địa bàn tỉnh Thái Bình
(Kèm theo Quyết định số 3678/QĐ-UBND ngày 31 /12/2020 của UBND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Tổng KP hỗ trợ		Kinh phí đối ứng	Tổng Kinh phí thực hiện
		Chương trình/Đề án	Kinh phí	Chương trình/Đề án	Kinh phí	Chương trình/Đề án	Kinh phí	Chương trình/Đề án	Kinh phí	Chương trình/Đề án	Kinh phí	Chương trình/Đề án	Kinh phí ngân sách		
Tổng		35	5.000	47	6.500	50	6.500	49	6.500	49	6.500	230	31.000	24.447	55.447
I	Đào tạo nghề, truyền nghề ngắn hạn	1	770	1	770	1	770	1	770	1	770	5	3.850		3.850
1	Đào tạo nghề, truyền nghề	1	770	1	770	1	770	1	770	1	770	5	3.850		3.850
II	Tổ chức hội nghị, hội thảo, diễn đàn, tập huấn để tháo gỡ khó khăn trong sản xuất, đảm bảo an toàn thực phẩm, điện, nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp và năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn trong sản xuất công nghiệp	5	649	7	1.142	7	1.142	7	1.142	7	1.142	33	5.217	528	5.745
1	Hội nghị tập huấn: Nâng cao năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp; nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp; kiến thức về an toàn thực phẩm; kiến thức về an toàn điện	4	330	5	682	5	682	5	682	5	682	24	3.058	528	3.586
2	Tổ chức Hội nghị: Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong đầu tư, SXKD của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh; lễ phát động doanh nghiệp thi đua đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh	1	319	2	460	2	460	2	460	2	460	9	2.159		2.159
III	Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; xây dựng các mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn; ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến, dây chuyền công nghệ; chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	18	1.683	20	2.186	21	2.200	21	2.256	18	1.926	98	10.251	23.919	34.170
1	Hỗ trợ đầu tư ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vào sản xuất	18	1.683	16	1.496	20	1.870	19	1.826	16	1.496	89	8.371	19.532	27.903

TT	Nội dung	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Tổng KP hỗ trợ		Kinh phí đối ứng	Tổng Kinh phí thực hiện
		Chương trình/Đề án	Kinh phí	Chương trình/Đề án	Kinh phí	Chương trình/Đề án	Kinh phí	Chương trình/Đề án	Kinh phí	Chương trình/Đề án	Kinh phí	Chương trình/Đề án	Kinh phí ngân sách		
2	Hỗ trợ mô hình cơ sở công nghiệp nông thôn hoạt động có hiệu quả cần nhân ra diện rộng; hỗ trợ xây dựng các mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn tại các cơ sở sản xuất công nghiệp; đề án xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật			4	690	1	330	2	430	2	430	9	1.880	4.387	6.267
IV	Tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; tổ chức hội chợ, triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ; hỗ trợ xây dựng, đăng ký thương hiệu			7	351	8	421	7	351	8	421	30	1.544		1.544
1	Hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn xây dựng và đăng ký nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm			5	175	5	175	5	175	5	175	20	700		700
2	Tham gia hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ trong nước			2	176	2	176	2	176	2	176	8	704		704
3	Bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu					1	70			1	70	2	140		140
V	Xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin, ấn phẩm	2	638	3	1.201	4	1.111	4	1.111	4	1.111	17	5.172		5.172
1	Xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh trên Báo, Đài trung ương và địa phương về: Các chính sách phát triển Khu kinh tế, Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp; thông tin thị trường, phổ biến kinh nghiệm, mô hình sản xuất kinh doanh điển hình, sản xuất sạch hơn trong công nghiệp	1	330	2	865	3	775	3	775	3	775	12	3.520		3.520
2	Phát hành Bản tin Công Thương	1	308	1	336	1	336	1	336	1	336	5	1.652		1.652
VI	Hỗ trợ phát triển các cụm công nghiệp			3	240	3	240	3	240	3	240	12	960		960
1	Tổ chức hội nghị, hội thảo và diễn đàn để phát triển cụm công nghiệp			3	240	3	240	3	240	3	240	12	960		960

TT	Nội dung	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Tổng KP hỗ trợ		Kinh phí đối ứng	Tổng Kinh phí thực hiện
		Chương trình/Đề án	Kinh phí	Chương trình/Đề án	Kinh phí	Chương trình/Đề án	Kinh phí	Chương trình/Đề án	Kinh phí	Chương trình/Đề án	Kinh phí	Chương trình/Đề án	Kinh phí ngân sách		
VII	Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công	9	1.260	6	610	6	616	6	630	8	890	35	4.006		4.006
1	Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khuyến công; Hội nghị hướng dẫn lập đề án, các thủ tục thanh quyết toán kinh phí khuyến công; Hội nghị phổ biến, triển các văn bản của Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, của Tỉnh về công tác khuyến công; Kinh phí quản lý vốn khuyến công	5	636	3	210	3	210	3	210	3	210	17	1.476		1.476
2	Tổ chức tham quan, khảo sát, học tập kinh nghiệm trong nước về công tác khuyến công	2	292	2	280	2	286	2	300	2	310	10	1.468		1.468
3	Điều tra khảo sát 220 xã đã tổ chức lớp tập huấn máy cơ khí nông nghiệp và Hội nghị tổng kết đánh giá về kết quả thực hiện chương trình tập huấn máy cơ khí nông nghiệp giai đoạn 2015 - 2020; Hội nghị tổng kết đánh giá công tác khuyến công giai đoạn 2021-2025; Xây dựng kế hoạch khuyến công giai đoạn 2026-2030	1	167							2	250	3	417		417
4	Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác chuyên môn của Trung tâm Khuyến công - Tư vấn phát triển công nghiệp	1	165	1	120	1	120	1	120	1	120	5	645		645